

BỘ GIAO THÔNG VẬN
TẢI
Số: 41/2017/TT-BGTVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2017

THÔNG TƯ

Quy định về quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Bộ luật hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Môi trường và Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam;
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển.

2. Việc thu gom và xử lý chất làm suy giảm tầng ô zôn phát sinh từ tàu thuyền được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý chất làm suy giảm tầng ô zôn và không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan và tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển.
2. Tàu thuyền Việt Nam và tàu thuyền nước ngoài hoạt động trong vùng nước cảng biển Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chất thải từ tàu thuyền bao gồm rác thải, nước bẩn, nước lẫn cặn dầu và chất lỏng độc hại khác phát sinh trong hoạt động của tàu thuyền.
2. Rác thải bao gồm chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp và chất thải rắn nguy hại phát sinh từ hoạt động của tàu thuyền. Trong đó:
 - a) Chất thải sinh hoạt là các loại chất thải thực phẩm, dầu ăn đã qua sử dụng và chất thải rắn khác phát sinh trong sinh hoạt thường ngày của thuyền viên và hành khách trên tàu thuyền.
 - b) Chất thải rắn nguy hại là chất thải rắn phát sinh từ hoạt động của tàu thuyền có chứa thành phần nguy hại như: giẻ lau chứa dầu, sơn, vụn sơn, cặn lọc khí xả, cặn hàng hóa nguy hiểm và các chất thải rắn khác thuộc danh mục chất thải nguy hại quy định tại Phụ lục 1 Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.
 - c) Chất thải rắn công nghiệp là các loại chất thải rắn phát sinh từ hoạt động làm hàng và khai thác vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa tàu thuyền, ngoại trừ chất thải rắn nguy hại.
3. Nước bẩn là nước đã bị thay đổi đặc điểm, tính chất được thải từ: nhà vệ sinh, nhà tắm; chậu rửa, bồn tắm, lỗ thoát nước ở buồng y tế; buồng chứa động vật sống trên tàu thuyền và các hỗn hợp nước khác khi hoà lẫn với những loại nước nêu trên.

4. Nước lẫn cặn dầu là chất thải lỏng có lẫn dầu tiếp nhận từ hệ thống la canh buồng máy, nước vệ sinh hầm hàng của tàu dầu, nước vệ sinh két dầu nhiên liệu, dầu thải, cặn dầu thải, dầu rò rỉ, nước từ két dẫn lẫn dầu, nước la canh hầm hàng có lẫn dầu.
5. Chất lỏng độc hại khác là cặn chất lỏng độc và chất thải lỏng từ các hoạt động vệ sinh két hàng hoặc xả dẫn két hàng trên tàu chở xô chất lỏng độc thuộc loại X, Y, Z theo quy định 6 Phụ lục II của Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm do tàu gây ra năm 1973 và các sửa đổi năm 1978, năm 1997 (sau đây viết tắt là Công ước MARPOL).
6. Thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền là các hoạt động liên quan đến việc thu gom, lưu giữ tạm thời, vận chuyển và xử lý chất thải từ tàu thuyền.
7. Phương tiện tiếp nhận là các phương tiện chuyên dùng để thu gom, lưu chứa tạm thời chất thải từ tàu thuyền, phù hợp với quy định pháp luật về quản lý chất thải của Việt Nam và quy định về bích nổi tiêu chuẩn của Công ước MARPOL.
8. Dầu là dầu mỏ dưới bất kỳ dạng nào, kể cả dầu thô, dầu đốt, dầu cặn, dầu thải và các sản phẩm dầu mỏ đã được lọc, bao gồm cả các chất được thể hiện tại Phụ lục I của Thông tư này.

Chương II

QUẢN LÝ THU GOM VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI

TỪ TÀU THUYỀN TRONG VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN

Điều 4. Tổ chức quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển

1. Chất thải rắn nguy hại, nước lẫn cặn dầu và chất lỏng độc hại khác từ tàu thuyền phải được quản lý thu gom và xử lý theo quy định tại Chương II Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu (sau đây viết tắt là Nghị định số 38/2015/NĐ-CP), Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại (sau đây viết tắt là Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT) và quy định pháp luật có liên quan.

2. Chất thải sinh hoạt từ tàu thuyền phải được quản lý thu gom và xử lý theo quy định tại Chương III Nghị định số 38/2015/NĐ-CP và quy định pháp luật có liên quan.
3. Chất thải rắn công nghiệp từ tàu thuyền phải được quản lý thu gom và xử lý theo quy định tại Chương IV Nghị định số 38/2015/NĐ-CP và quy định pháp luật có liên quan.
4. Nước bẩn từ tàu thuyền phải được quản lý thu gom và xử lý theo quy định tại Chương V Nghị định số 38/2015/NĐ-CP và quy định pháp luật có liên quan.
5. Doanh nghiệp cảng biển tự thực hiện dịch vụ thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển phải đáp ứng theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT và quy định pháp luật có liên quan.
6. Doanh nghiệp cảng biển không tự thực hiện dịch vụ thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển phải ký kết hợp đồng với các tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển đáp ứng các quy định về thu gom và xử lý chất thải tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT và quy định pháp luật có liên quan.
7. Hoạt động thu gom chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển phải được doanh nghiệp cảng biển bảo đảm thực hiện trong vòng 4 giờ kể từ khi Cảng vụ hàng hải khu vực nhận được yêu cầu từ người làm thủ tục cho tàu thuyền.
8. Giá dịch vụ thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành về giá và pháp luật có liên quan.

Điều 5. Công bố dịch vụ thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển

1. Doanh nghiệp cảng biển có trách nhiệm công khai, niêm yết danh sách tổ chức, cá nhân đã ký hợp đồng cung ứng dịch vụ thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền tại cảng biển và giá dịch vụ thu gom, xử lý chất thải trên trang thông tin điện tử và tại trụ sở chính của cảng biển theo quy định tại Mẫu số 1 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.
2. Việc cung ứng dịch vụ thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền tại khu neo đậu, khu chuyển tải do Nhà nước quản lý được thực hiện như sau:

a) Cảng vụ hàng hải khu vực đăng tải thông tin về nhu cầu thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền tại khu neo đậu, khu chuyển tải do Nhà nước quản lý trên trang thông tin điện tử của Cảng vụ hàng hải;

b) Tổ chức, cá nhân có nhu cầu tham gia cung ứng dịch vụ thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền tại khu neo đậu, khu chuyển tải do Nhà nước quản lý gửi văn bản đăng ký tới Cảng vụ hàng hải theo quy định tại Mẫu số 2 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Cảng vụ hàng hải khu vực công khai, niêm yết danh sách tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia cung ứng dịch vụ thu gom, xử lý chất thải từ tàu thuyền tại khu neo đậu, khu chuyển tải do Nhà nước quản lý và giá dịch vụ thu gom, xử lý chất thải trên trang thông tin điện tử và tại trụ sở chính của Cảng vụ hàng hải theo quy định tại Mẫu số 1 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Khai báo nhu cầu xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển

1. Tàu thuyền có nhu cầu xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển, người làm thủ tục cho tàu thuyền thống nhất với doanh nghiệp cảng biển hoặc tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ thu gom, xử lý chất thải đã được doanh nghiệp cảng biển công bố và thực hiện khai báo cụ thể loại chất thải, khối lượng chất thải theo kilôgam (sau đây viết tắt là kg) hoặc mét khối (sau đây viết tắt là m³), địa điểm chuyển thu gom và xử lý chất thải với Cảng vụ hàng hải khu vực tại mục 21 của Bản khai chung theo quy định tại Mẫu số 42 ban hành kèm theo Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải (sau đây viết tắt là Nghị định số 58/2017/NĐ-CP).

2. Trường hợp phải bơm nước bẩn, nước lẫn cặn dầu và chất lỏng độc hại khác từ tàu thuyền để chuyển thu gom và xử lý, ngoài quy định tại khoản 1 Điều này, người làm thủ tục cho tàu thuyền thực hiện khai báo với Cảng vụ hàng hải khu vực theo quy định tại Mẫu số 35 ban hành kèm theo Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.